UBND HUYỆN MỸ LỘC **PHÒNG TƯ PHÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 79/PTP Hướng dẫn lập hồ sơ chứng minh xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025	*Mỹ Lộc, ngày 01 tháng11 năm 2022*

Kính gửi : - Văn phòng điều phối Nông thôn mới huyện Mỹ Lộc
- UBND các xã, thị trấn

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo UBND huyện Mỹ Lộc về việc tập trung chỉ đạo rà soát, xây dựng các tiêu chí xã NTM nâng cao và kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện. Phòng Tư pháp huyện Mỹ Lộc ban hành văn bản hướng dẫn lập hồ sơ chứng minh theo tiêu chí 18.4 tại Phụ lục I và tiêu chí 16 tại Phụ lục II Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, cụ thể như sau:

I. Về tiêu chí xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (tiêu chí 18.4 tại Phụ lục I của Quyết định số 318/QĐ-TTg)

- Về trình tự, thủ tục, điều kiện đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện theo quyết định 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và thông tư số 09/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg.

II.Về tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (tiêu chí 16 tại Phụ lục II của Quyết định số 318/QĐ-TTg hướng dẫn tại Quyết định số 1723/QĐ-BTP ngày 15/8/2022)

A. Tiêu chí 16.1: Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận.

1. Số lượng có từ 01 (một) mô hình trở lên; Ví dụ: Mô hình Phụ nữ với pháp luật, Nông dân với pháp luật, Thanh niên với pháp luật….

2. Mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật hoạt động hiệu quả phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a. Yêu cầu theo Tiêu chí 2 "Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật" theo quy định của Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của

Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg đạt điểm số tối đa *(đạt 30/30 điểm)*.

Tài liệu kiểm chứng:

- Văn bản, tài liệu triển khai các hoạt động: Kế hoạch tổ chức, giấy mời, tin bài viết về tổ chức mô hình, báo cáo...

- Phiếu lấy ý kiến đánh giá của đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, đại diện thôn, tổ dân phố trên địa bàn về hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả.

- Bản tổng hợp kết quả đánh giá kết quả tại cơ sở.

- Bảng chấm điểm Tiêu chí 2 hồ sơ chuẩn tiếp cận pháp luật đạt 30/30 điểm.

b. Huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật:

***Tài liệu kiểm chứng**:*

- Văn bản chứng minh có các cá nhân, tổ chức đóng góp kinh phí cho hoạt động của các mô hình (xã hội hoá)

- Văn bản cấp, bổ sung kinh phí hỗ trợ hoạt động của mô hình.

c. Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp huyện hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng; trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá, được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình này.

***Tài liệu kiểm chứng**:*

- Photo Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác của cơ quan cấp huyện trở lên vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình này.

2. Mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a. 100% tổ hòa giải của xã được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên đúng quy định pháp luật hòa giải ở cơ sở.

Tài liệu kiểm chứng:

- Nghị quyết của HĐND xã, Quyết định của UBND xã về việc bố trí ngân sách cho công tác hòa giải ở cơ sở; Phiếu chi kèm danh sách cấp tiền hỗ trợ hoạt động tổ hòa giải, danh sách nhận thù lao hòa giải hoặc Giấy xin thanh toán tiền.

b. Có hoạt động phối hợp với Tòa án nhân dân cấp huyện, các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, tổ chức, cá nhân có hiểu biết pháp luật trong tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên hoặc tham gia hỗ trợ hòa giải.

***Tài liệu kiểm chứng**:*

- Có văn bản đề nghị/mời một trong các thành phần nêu trên phối hợp, hỗ trợ mở lớp tập huấn, bồi dưỡng cho hòa giải viên; Giấy mời, chương trình Hội nghị và danh sách hòa giải viên tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng.

c. Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền cấp huyện hướng dẫn, khuyến khích nhân rộng; trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá, được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình này.

***Tài liệu kiểm chứng**:*

- Photo Giấy khen, Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác của cơ quan cấp huyện trở lên vì đã có thành tích xuất sắc trong triển khai mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở.

3. Xã đạt các yêu cầu theo nội dung 16.1 của tiêu chí 16 "Tiếp cận pháp luật" tại phụ lục II kèm theo quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 khi *có đồng thời mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở theo quy định của Hướng dẫn này.*

B. Tiêu chí 16.2: Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành (sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải thành)

1. Cách tính tỷ lệ %: Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100.

2. Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo, hướng dẫn tổ hòa giải trên địa bàn rà soát, tổng hợp, báo cáo kết quả vụ, việc hòa giải thành và vụ, việc hòa giải không thành để tổng hợp, xác định tỷ lệ % phục vụ việc đánh giá, công nhận xã nông thôn mới nâng cao.

***Tài liệu kiểm chứng**:*

- Báo cáo thống kê kết quả hòa giải ở cơ sở năm *(tỷ lệ hòa giải thành phải đạt trên 90% trở lên)*; Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ sở; Biên bản hòa giải thành, Biên bản hòa giải không thành.

C. Tiêu chí 16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu

1. Cách tính tỷ lệ %:Tỷ lệ % = (Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý/Tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý) x 100.

Tài liệu kiểm chứng:

- Danh sách đối tượng trợ giúp pháp lý; danh sách đối tượng có yêu cầu trợ giúp pháp lý; danh sách đối tượng có yêu cầu trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý.

2. UBND xã liên hệ với Sở Tư pháp tỉnh Nam Định, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý, tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý thuộc phạm vi quản lý rà soát, tổng hợp thông tin về tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý, tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý trong năm. Phối hợp với Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để xác định tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý được trợ giúp pháp lý, tổng số người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý có yêu cầu trợ giúp pháp lý là công dân cư trú trên địa bàn xã để tính tỷ lệ % phục vụ việc đánh giá, công nhận xã nông thôn mới nâng cao.

- Chỉ đạo công chức Lao động TBXH chủ trì, phối hợp với công chức Tư pháp - Hộ tịch rà soát, lập danh sách, thống kê đối tượng trợ giúp pháp lý miễn phí theo quy định tại Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý 2017 và Điều 2 của Nghị định 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trợ giúp pháp lý./.

Nơi nhận:
- Lãnh đạo UBND huyện (để bc)
- Như trên;
- Công TTĐT huyện
- Lưu: PTP.

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Cao Sơn